

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FVN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ FVN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FVN GROUP TRADING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109082748

3. Ngày thành lập: 10/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, ngõ 44 phố Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
2.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
12.	Phá dỡ	4311
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
20.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932

21.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23.	Bốc xếp hàng hóa	5224
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
25.	Đại lý du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 31 Luật du lịch 2017)	7911
26.	Điều hành tua du lịch	7912
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
29.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);	7320
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm hoạt động kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5610
33.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
34.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9, Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế; Điều 14- Luật an toàn thực phẩm năm 2010)	4632
35.	Bán buôn đồ uống	4633
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
42.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
43.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động bán đấu giá tài sản)	4791
44.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật);	7020
45.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
46.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn và Quản lý bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
49.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
50.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
51.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
52.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
53.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất hoá dược và dược liệu	2100(Chính)
54.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
55.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
56.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

58.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm	2029
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
60.	Bán buôn tổng hợp	4690
61.	In ấn	1811
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
64.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
65.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
66.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
67.	Khai thác gỗ	0220
68.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
69.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
70.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
71.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
74.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
75.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
76.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
78.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
79.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ THANH HÀ	Số 57, tổ 35 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.720.000.000	40,000	001190001601	
2	TRẦN VIẾT THÀNH	Khu hành chính 7, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	4.080.000.000	60,000	025090000147	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VIẾT THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025090000147

Ngày cấp: 28/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu hành chính 7, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu hành chính 7, Phường Đồng Đa, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội